

Bản án số: 741/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 9 - 2019

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Viết Hoàng Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Bà Trần Quang Cảnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Thịnh - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Kha Nhật Q, sinh năm 1990

Địa chỉ: 51/3 P, phường B, quận B, Thành phố H.

**- Bị đơn:** Ông Trần Quốc V, sinh năm 1986

Địa chỉ: 110/5 T, phường H, quận T, Thành phố H

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Kha Nhật Q trình bày:*

Bà và ông Trần Quốc V tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01/2012 ngày 14/6/2012 của Ủy ban nhân dân phường H, quận T, Tp.H

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V hay đánh chửi bà và mâu thuẫn với mẹ chồng. Bà và ông V ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu ly hôn với ông V

- Bị đơn ông *Trầm Quốc V* trình bày: Ông V xác nhận quá trình kết hôn, chung sống, mâu thuẫn vợ chồng và ly thân như lời bà Q trình bày. Ông xác nhận khi xảy ra mâu thuẫn có cãi nhau, ông có đánh bà Q. Tuy nhiên, ông còn yêu thương bà Q nên muốn bà Q cho ông cơ hội để hàn gắn gia đình. Nay bà Q yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Hai bên xác nhận có 01 con chung tên *Trầm Nguyệt Q*, sinh ngày 01/11/2014, bà Q yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, ông V đồng ý giao con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con như bà Q yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông *Trầm Quốc V* vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo qui định.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày như trên. Bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T thành phố H phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà *Kha Nhật Q* và ông *Trầm Quốc V* là quan hệ hôn nhân được pháp luật bảo vệ. trong quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra, hai người sống ly thân, nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà *Kha Nhật Q* ly hôn với ông *Trầm Quốc V*. Về con chung: Giao con chung tên *Trầm Nguyệt Q*, sinh ngày 01/11/2014 cho bà Q chăm sóc nuôi dưỡng, ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự: Hai bên xác nhận không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01/2012 ngày 14/6/2012 của Ủy ban nhân dân phường H, quận T, Thành phố H cấp cho bà *Kha Nhật Q* và ông *Trầm Quốc V* thì quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông V là quan hệ

hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận, phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ông V hiện đang cư trú tại quận T, Thành phố H. Do đó, Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Ông Trầm Quốc V đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 177, 208, 209, 210 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông V vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét bà Kha Nhật Q yêu cầu ly hôn với ông Trầm Quốc V:

Theo lời trình bày của bà Q trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông V hay đánh chửi bà Q, bên cạnh đó bà và mẹ chồng có mâu thuẫn với nhau nhưng ông V không giải quyết được làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà và ông V đã sống ly thân từ cuối tháng 11/2018 cho đến nay.

Căn cứ kết quả xác minh mâu thuẫn gia đình giữa bà Q và ông V có mâu thuẫn, tranh cãi. Do đó, có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa bà Q và ông V đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Kha Nhật Q và ông Trầm Quốc V xác định có 01 con chung tên Trầm Nguyệt Q, sinh ngày 01/11/2014, bà Q yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, ông V đồng ý giao con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng nên ghi nhận và Giao con chung tên Trầm Nguyệt Q, sinh ngày 01/11/2014 cho bà Kha Nhật Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Kha Nhật Q yêu cầu ông Trầm Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng, ông V đồng ý mức cấp dưỡng trên nên ghi nhận và buộc ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có tài sản để tự nuôi mình, bắt đầu thực hiện từ tháng 10/2019.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự: Hai bên xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà Kha Nhật Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kha Nhật Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Kha Nhật Q được ly hôn với ông Trầm Quốc V. Quan hệ hôn nhân của bà Kha Nhật Q và ông Trầm Quốc V (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01/2012 ngày 14/6/2012 của Ủy ban nhân dân phường H, quận T, Thành phố H) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Trầm Nguyệt Q, sinh ngày 01/11/2014 cho bà Kha Nhật Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trầm Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng, cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có tài sản để tự nuôi mình, bắt đầu thực hiện từ tháng 10/2019.

Kể từ ngày bà Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông V không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được qui định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trong trường hợp bà Q không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông V hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Q cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Hai bên xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Kha Nhật Q chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Quý đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0012855 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà Q đã nộp đủ án phí.

Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Quốc V phải chịu 300.000 đồng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo: Bà Kha Nhật Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án, ông Trần Quốc V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP.H;
- VKSND Q. T;
- Chi cục THADS QT;
- UBND P. H, Q.T;
- Lưu VP, hồ sơ /.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Viết Hoàng Lâm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**